

Một số biện pháp cải thiện kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh của học sinh hệ trung cấp tại Trường Cao đẳng Nghề An Giang

Nguyễn Thị Việt Nga*

*ThS. Trường Cao đẳng Nghề An Giang

Received: 23/5/2024; Accepted: 31/5/2024; Published: 7/6/2024

Abstract: This study aims to explore various strategies and learning activities to enhance reading comprehension skills for intermediate students at An Giang Vocational College. Through an experimental approach, it investigates the effectiveness of teaching different reading strategies and organizing learning activities appropriately according to the level of students' linguistic knowledge in improving their ability to comprehend and analyze texts. This study provides valuable insights for educators and curriculum developers on enhancing reading proficiency among intermediate students.

Keywords: Reading strategies, reading comprehension skills, intermediate students

1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh là một môn học bắt buộc vì tầm quan trọng và lợi ích của nó đối với quá trình học tập và phát triển của người học. Tuy nhiên việc tổ chức giảng dạy tiếng Anh tại Trường Cao đẳng Nghề An Giang vẫn chưa đạt hiệu quả cao, đặc biệt là học sinh (HS) hệ trung cấp. Các em mất căn bản từ các cấp học dưới dẫn đến chán nản và không hứng thú đối với môn học. Để giúp HS cải thiện kết quả học tập cũng như tìm lại hứng thú trong việc học tiếng Anh là một việc không dễ. Trong các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết thì kỹ năng Đọc là kỹ năng HS thường rất sợ vì thấy quá nhiều từ vựng mới, bài đọc dài và HS không thể hiểu được nội dung. Tuy nhiên, nếu được hướng dẫn các chiến lược đọc phù hợp và giáo viên (GV) tổ chức các hoạt động học tập hợp lý thì HS hoàn toàn có thể vượt qua được các trở ngại về kiến thức ngôn ngữ mà cải thiện kỹ năng đọc hiểu của mình, từ đó có hứng thú hơn đối với việc học ngoại ngữ.

2. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp thực nghiệm ở hai lớp trung cấp có số lượng và trình độ tương đương nhau tại Trường Cao đẳng Nghề An Giang.

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập

Jerome Bruner vào những năm 60 trong tác phẩm "Quá trình giáo dục" cho rằng cái bắt buộc người học phải học có thể được quyết định không chỉ là những mục đích nằm ngoài hoạt động học (chẳng hạn: thái độ của cha mẹ đối với việc học tập của con cái, hoặc quan niệm cho rằng học tập là phương tiện để có tương lai v.v...), mà điều chính yếu là những kích

thích nằm ngay trong hoạt động học tập. Ông cho rằng: "Động cơ bên trong là động lực thúc đẩy mạnh mẽ nhất con người lĩnh hội tài liệu học tập phức tạp. Đó là những kích thích mà người học ý thức được như một phần thưởng về mặt trí tuệ".

Carl Rogers vào những năm 60 trong cuốn "On Becoming a Person" (Bản dịch "Tiến trình thành nhân" của Tô thị Ánh và Vũ Trọng Ứng vào năm 1994. Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh) đã nêu lên vấn đề động lực học tập. Ông cho rằng: Sự học hỏi thực sự khác với cách học hỏi chông chênh việc tiếp thu tri thức, gia tăng vốn tri thức, mà là những học hỏi trong đó người học phải khám phá ra và chiếm lĩnh vốn tri thức ấy, đưa đến sự thay đổi hành vi, những hành động hướng tới tương lai của cá nhân.

Tác giả M.I. Alêxêeva đi sâu nghiên cứu động cơ học tập của học sinh các lớp 5-6 và chỉ ra rằng yếu tố nhân lõi của động cơ học tập là động cơ quá trình và động cơ kết quả. Quá trình học tập và kết quả học tập sẽ tạo nên sự thôi thúc, kích thích việc học tập của HS.

2.2. Chiến lược đọc (Reading strategies)

Theo Arthur C. Graesser thì chiến lược đọc (Reading strategies) rất quan trọng đối với người đọc vì nó giúp họ vượt qua rất nhiều khó khăn phát sinh trong quá trình đọc. Chiến lược đọc hiểu (reading comprehension strategy) là hành động nhận thức hoặc hành vi được thực hiện trong những điều kiện ngữ cảnh cụ thể, mới mục đích là cải thiện một số khía cạnh của việc đọc hiểu.

Có rất nhiều chiến lược đọc được áp dụng trong các bài đọc hiểu nhằm giúp người đọc hiểu được nội dung cần truyền tải thông qua bài đọc. Tuy nhiên đối

với người học trình độ thấp thì các chiến lược sau đây thường được áp dụng như: Identify main idea / topic, Find factual information, Understand negative facts, Recognize referents và Guess the meaning from context.

2.3. Đề xuất một số biện pháp cải thiện kỹ năng đọc hiểu

2.3.1. Hướng dẫn các chiến lược đọc và làm bài đọc hiểu cho HS

- Identify main idea / topic: GV hướng dẫn HS cách tìm ý chính của bài. Thông thường ý chính sẽ nằm gần câu đầu hoặc câu cuối của đoạn hoặc bài đọc. Đối với những bài đọc mà ý chính không nằm trong một câu cụ thể thì GV có thể dùng các câu hỏi gợi mở hướng đến nội dung chính của bài sắp đọc, hoặc yêu cầu HS trả lời hết các câu hỏi về dữ liệu, thông tin chi tiết trước, sau đó HS sẽ có cái nhìn tổng quát hơn về bài đọc và dễ dàng tìm ra được ý chính của bài.

- Find factual information: GV nhấn mạnh một số từ quan trọng (keywords) bao gồm từ cũ và mới trong bài đọc và câu hỏi, dạy trước cho HS các keywords mới. HS được hướng dẫn đọc câu hỏi trước, cố gắng ghi nhớ những keywords được đề cập trong câu hỏi, sau đó HS đọc lướt sơ bài đọc, chỉ dừng lại đọc kỹ những chỗ có keywords xuất hiện trong câu hỏi để tìm câu trả lời.

- Understand negative facts: vì được yêu cầu xác định những thông tin không được đề cập trong bài đọc hoặc không đúng theo nội dung của bài đọc, HS tìm các phương án trả lời đúng theo nội dung bài và loại chúng ra, chỉ lấy phương án không có hoặc không đúng. Chiến lược này chỉ xuất hiện ở dạng câu hỏi trắc nghiệm nên HS cần so sánh sự khác biệt giữa các phương án trả lời trước khi lựa chọn.

- Recognize referents: do yêu cầu xác định đối tượng được đề cập thông qua các đại từ cụ thể nên GV phải đảm bảo HS hiểu được nghĩa của các đại từ (về giới, về số lượng, gần hay xa...), sau đó hướng dẫn HS đọc một hoặc hai câu trước câu có chứa từ cần hỏi để tìm xem từ đó ám chỉ đối tượng nào.

- Guess the meaning from context: mặc dù HS được yêu cầu đoán nghĩa của từ hoặc cụm từ mới thông qua ngữ cảnh nhưng bài đọc vẫn có giải thích nghĩa hoặc cho ví dụ về các từ khó đó. GV hướng dẫn HS cách đoán nghĩa trong từng trường hợp cụ thể như dựa vào ví dụ (examples) qua các dấu hiệu như *for example, for instance, such as, including, like, as an example...* hoặc dựa vào từ đồng nghĩa (synonyms) qua các dấu hiệu như *means, called, that*

is, defined as, known as, like... hoặc dựa vào từ trái nghĩa (antonyms) qua các dấu hiệu như *however, but, yet, in contrast, on the other hand, while...*

2.3.2. Tổ chức các hoạt động học tập

a. Trước khi HS đọc bài và làm bài tập (pre-reading)

- Cho HS động não (brainstorming): GV sẽ gợi ý, hướng HS đến nội dung cần đọc, HS có thể dự đoán nội dung, thảo luận những quan điểm, trải nghiệm về vấn đề sắp đọc. Tuỳ theo khả năng của lớp và đề tài khó hay dễ mà GV có thể brainstorm bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc cả hai.

- Dạy các từ vựng quan trọng (keywords) quyết định việc hiểu bài đọc và câu hỏi: Keywords là những từ cực kỳ quan trọng, nó quyết định việc HS hiểu được bài và câu hỏi hay không. Do đó, GV là người xác định từ nào là keywords để dạy cho HS trước khi HS đọc và làm bài. HS chú ý vào keywords sẽ giúp HS tiết kiệm được thời gian, tránh phải đọc lan man, làm bài chính xác và hiệu quả hơn.

b. Trong khi HS đọc bài và làm bài tập (while reading)

- Giao nhiệm vụ: giao nhiệm vụ cho HS trước khi bắt đầu đọc sẽ biến việc đọc thành một hoạt động có chủ đích, đó là để giải quyết bài tập được cho, từ đó giúp HS có động lực hơn, có hứng thú hơn so với việc đọc bài mà không biết để làm gì.

- Hướng dẫn, giải thích yêu cầu và câu hỏi: Việc hiểu câu hỏi sẽ giúp HS đọc bài có trọng điểm hơn, chú ý những chỗ quan trọng cần thiết, tránh lan man ở những phần không liên quan hoặc không quan trọng, nhất là đối với các bài có nội dung dài.

- Khi sửa bài cho HS, GV cũng bắt đầu từ keywords để hướng tới câu trả lời. Lâu dần HS sẽ quen với việc dựa vào keywords để làm bài.

- Đối với HS yếu, vốn từ vựng quá ít, HS sẽ gặp rất nhiều khó khăn khi đọc bài vì gặp quá nhiều từ mới. Khi đó GV giúp HS lờ đi những từ khó bằng cách xem các từ in hoa chỉ người như anh A, chị B nào đó, xem từ in hoa chỉ nơi chốn như địa điểm C, D nào đó và xem các động từ chỉ hành động như là hoạt động E, F nào đó. Làm như thế HS sẽ giảm được sự chú ý không cần thiết cho những nội dung không quan trọng.

c. Sau khi HS đọc bài và làm bài tập (post-reading)

- HS được yêu cầu tóm tắt lại nội dung bài đọc trong một hoặc hai dòng (writing). Nếu HS yếu, GV có thể thay việc tự viết thành điền vào chỗ trống (gap-fill) hoặc sắp xếp các cụm từ cho sẵn (word arrangement). Việc này giúp HS củng cố lại những

nội dung đã đọc đồng thời giúp từng bước cải thiện tình trạng mất căn bản.

- Giao HS về nhà đọc lại bài đọc một lần nữa, tra nghĩa của một số từ mới còn lại và nếu có thể thì dịch bài đọc sang tiếng Việt.

2.4. Hiệu quả ghi nhận được sau khi áp dụng các biện pháp trên

HS tự đọc bài và làm bài đọc hiểu nhiều hơn, thay vì chọn đáp án ngẫu nhiên hay sao chép của bạn. Cụ thể là đối với lớp thực nghiệm, số lượng HS tự đọc và làm bài tăng từ 55% lên 70% trong khi lớp đối chứng chỉ tăng lên được 60%.

Khi khảo sát quá trình làm bài đọc hiểu thì phần lớn HS biết cách áp dụng các chiến lược đọc để làm bài, biết chú trọng vào keywords và làm bài hiệu quả hơn. Lớp thực nghiệm tăng từ 25% lên 70% trong khi lớp đối chứng chỉ tăng lên 35%.

Qua đánh giá kết quả làm bài đọc hiểu của HS trước và sau thử nghiệm chúng ta thấy có sự tiến bộ đáng kể ở lớp thực nghiệm. Cụ thể là số lượng HS yếu kém giảm đi rõ rệt từ 45% xuống còn 20% trong khi đó số lượng HS khá, giỏi tăng từ 15% lên 35%. Tuy nhiên ở lớp đối chứng thì số học khi khá, giỏi không thay đổi và HS yếu kém chỉ giảm xuống 40%.

Ngoài ra, kết quả khảo sát cũng cho thấy HS lớp thực nghiệm có hứng thú đối với việc học đọc hiểu nhiều hơn trong khi ở lớp đối chứng thì hầu như không thay đổi.

3. Kết luận

HS hệ trung cấp là đối tượng còn hạn chế về cả kiến thức ngôn ngữ lẫn sự tích cực trong học tập, đòi hỏi người GV cần có sự quan tâm, chọn lọc các phương pháp dạy học phù hợp. Việc hướng dẫn HS các chiến lược đọc và tổ chức các hoạt động học tập khoa học đã giúp HS biết cách xử lý các bài tập đọc hiểu một cách hiệu quả hơn. Cải thiện kỹ năng đọc hiểu cũng là một trong những cách giúp HS củng cố kiến thức và hoàn thiện các kỹ năng tiếng Anh còn lại. Từ sự tiến bộ trong học tập dần giúp HS tìm thấy sự yêu thích trong việc học kỹ năng đọc hiểu nói riêng và tiếng Anh nói chung.

Tài liệu tham khảo

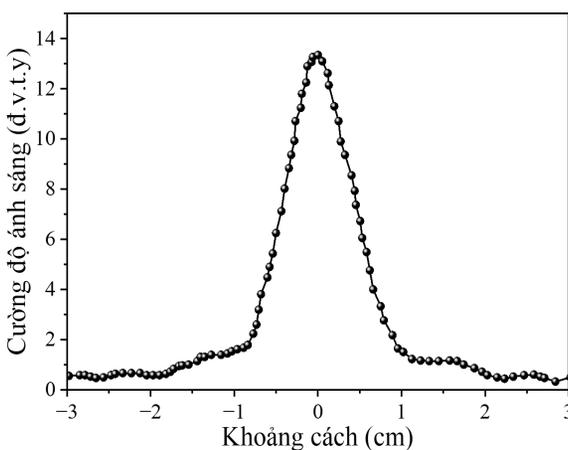
[1]. Alécxêeva M.I. (1963), Động cơ học tập của học sinh cấp 2. M. NXB Giáo dục Liên Xô.

[2]. Arthur C. Graesser. (2007), *An Introduction to Strategic Reading Comprehension (pp3-2) in D. McNamara (Ed) Reading Comprehension Strategies: Theories, Interventions and Technologies*. Lawrence Erlbaum Associates, Inc., Publishers

[3]. Bruner J. (1962), *Quá trình giáo dục* (the process of Education. Cambridge mass Havard University Press).

[4]. Carl Rogers (1994), *Tiến trình thành nhân (On becoming a Person)*, Bản dịch NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Ứng dụng mạch Arduino kết nối máy vi tính... (tiếp theo trang 26)



Hình 2.4. Hình ảnh nhiễu xạ phụ thuộc vào khoảng cách

3. Kết luận

Việc sử dụng thiết bị thí nghiệm VL kết hợp với

máy tính, mạch Arduino và cảm biến đã đem lại những lợi ích vượt trội trong việc thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu. Các bài thí nghiệm VL đại cương được kết nối sẽ đem lại kết quả chính xác hơn so với việc thu thập số liệu thủ công. Ngoài ra, thời gian thu thập và xử lý số liệu được giảm đáng kể, giúp cho SV có nhiều thời gian hơn cho việc phân tích kết quả. Các dữ liệu thu thập cũng có thể trực quan hóa dễ dàng thông qua các phần mềm đồ họa.

Tài liệu tham khảo

1. Quê, P.X., *Giáo trình sử dụng máy tính trong dạy học vật lý* 2007, Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.

2. Mai Văn Trinh và N.Đ. Thuận, *Sử dụng cảm biến kết nối máy tính hỗ trợ thí nghiệm trong dạy học vật lý ở trường trung học phổ thông*. Khoa học giáo dục, 2017. 136: p. 46-51.

3. Thắng, N.D., *Thực hành Vật lý đại cương*. 2000, Hà Nội: NXB Giáo dục.